TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2025/HS-ST
Ngày 17 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mầm và ông Hồ Tùng Mận
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2025/HSST, ngày 24/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HS, ngày 03/3/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thúy H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1998, tại thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số A đường T, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Nguyễn Huy M và con bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có chồng là Lê Văn T1; có 02 người con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2024 đến ngày 10/7/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt)

2. Họ và tên: **Trần Văn N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2000, tại tỉnh Bắc Ninh.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Trần Văn Đ và con bà Lê Thị L; Bị cáo có vợ là Lương Khánh L1; có 01 người con, sinh năm 2021.

Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2024 đến ngày 10/7/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1.Anh Đỗ Anh T2;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị D;

Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Bà Tạ Thị Thu H1;

Địa chỉ: Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Ông Dương Việt M1;

Địa chỉ: 1 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Hồng D;

Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

6. Bà Bùi Thị N1;

Địa chỉ: 3 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn B;

Địa chỉ: Buôn P, đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

8. Ông Phan Thanh L2;

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

9. Bà Mai Thị Kim C1;

Địa chỉ: Số nhà A, đường L, Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Hải N2;

Địa chỉ: C A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

11. Bà Ngô Thị P;

Địa chỉ: Hẻm G T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

12. Bà Lương Thị H2;

Địa chỉ: H H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

13. Bà Cao Thị T3,

Địa chỉ: Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

14. Bùi Văn N3;

Địa chỉ: Hẻm A Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

15. Bà Lê Thị Thu H3;

Địa chỉ: 5 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

16. Bà H’Đin Niê K;

Địa chỉ: 5 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

17. Bà H'Xuân Niê K1;

Địa chỉ: 5 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

18. Bà H'Anh Niê K2;

Địa chỉ: E L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

19. Bà H'Ngót A;

Địa chỉ: Buôn H, Xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

20. Bà Lê Thị Hồng V;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

21. Bà Nguyễn Phương T10;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

22. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

23. Hoàng Việt H4;

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

24. Bà Đào Thị Tố N4;
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
25. Bà Hoàng Thị Thu H5;
Địa chỉ: Số A Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
26.Ông Hồ Văn P1;
Địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
27. Bà Đinh Thị C2;
Địa chỉ: Số A A, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
28.Ông Nguyễn Văn D1;
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
29. Bà Tạ Thị Thanh T5
Địa chỉ: Số A M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
30. Bà Bùi Thị H6;
Địa chỉ: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
31. Ông Bùi Đại N5;
Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
32. Bà H'LaNa N6;
Địa chỉ: Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
33. Bà Vũ Thị Kim V1;
Địa chỉ: 4 Hồ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
34. Bà Lê Thị Thanh H7,
Địa chỉ: Số E Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
35. Bà Nguyễn Thị Kim S;
Địa chỉ: Số C Y, phường T, thành phố. Buôn Ma T6, tỉnh Đắk Lắk
36. Bà Huỳnh Thị Vy K3;
Địa chỉ: Số F L, phường T (nay phường T), thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
37. Bà Nguyễn Thị X;
Địa chỉ: Số C Y, phường T, thành phố. Buôn Ma T6, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
38. Bà Đinh Thị Kim C3;
Địa chỉ: Số F L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
39. Bà Phạm Thị Thanh T7;
Địa chỉ: Số A V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
40. Bà Nguyễn Thị Bích P2;
Địa chỉ: Số B đường A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
41. Ông Lê Xuân T8;
Địa chỉ: Số G B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
42. Bà Đoàn Thị Quỳnh H8;
Địa chỉ: Số A T, phường T, Thành phố B tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
43. Bà H'Wer Ê;
Địa chỉ: Tổ dân phố I, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
44. Bà H La Niê B1;
Địa chỉ: Hẻm A V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
45. Bà H Đạt N7;
Địa chỉ: Hẻm B S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

46. Bà H Băm N8,
Địa chỉ: Số A S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
47. Bà H Mrai N9;
Địa chỉ: Số A S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
48. Bà H Jin N10;
Địa chỉ: Hẻm E Đ, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
49. Bà H Khanh B2;
Địa chỉ: Số G N, P. T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).
50. Bà Đinh Thị T9;
Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02/2024, Nguyễn Thị Thúy H vào tỉnh Đắk Lắk để hoạt động cho người dân vay tiền với lãi suất cao và thuê nhà tại địa chỉ: Số A N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để làm nơi ở và hoạt động cho vay tiền. Sau đó, H thuê thêm Trần Văn N và anh Đỗ Anh T2, sinh năm 1992, HKTT: Thôn T, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội vào tỉnh Đắk Lắk để giúp sức cho H trong hoạt động cho vay tiền trả góp với lãi suất cao, trả lương hàng tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/01 tháng, lo chi phí ăn ở, sinh hoạt vào tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, H mua 01 xe mô tô loại Honda Dream, màu đỏ, biển số 48F4 – 2210, rồi giao cho N, T2 sử dụng vào việc đi tìm người vay, thẩm định khả năng trả tiền của người vay, thu tiền hằng ngày. Đồng thời, H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, đăng nhập ứng dụng Zalo có tên "Nga C" được đăng ký số điện thoại 0795751186 để liên lạc cho N và T2 đi xác minh người vay, thu tiền hằng ngày, ghi chú thông tin người vay và điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu Đ1 - Đen, gắn sim số 0795751186 để liên hệ người vay. Ngoài ra, H đưa cho N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, gắn sim số 0388755168 để liên lạc với người dân khi có nhu cầu vay tiền và N sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 14 Promax, đăng nhập ứng dụng Zalo mang tên "Tài D2" được đăng ký tài khoản bằng số điện thoại 0388755168 để liên lạc với người vay; H đưa cho T2 sim điện thoại số 0866506998 và T2 sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone 7, đăng nhập ứng dụng Zalo tên "Lộc Seoul" để liên lạc với người vay.

Về cách thức cho vay của H quy định như sau:

- Vay 5.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, nên khi thu đủ sẽ thu được 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm).

- Vay 7.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, nên khi thu đủ sẽ thu được 7.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 348%/năm).

- Vay 10.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và lãi, nên khi thu đủ sẽ thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm).

- Vay 12.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ tiền gốc và lãi, nên khi thu đủ sẽ thu được 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 304,16%/năm).

- Vay 15.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ tiền gốc và lãi, nên khi thu đủ sẽ thu được 15.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm).

- Vay 20.000.000đ trong thời hạn 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000đ tiền gốc và lãi, nên khi thu đủ sẽ thu được 20.000.000đ tiền gốc và 4.000.000đ tiền lãi (tương ứng với lãi suất 243,33%/năm).

Đối với một số người vay, sẽ thu phí khoản vay từ 50.000đ đến 500.000đ.

Hằng ngày, N, T2 trực tiếp đi cho khách vay tiền và thu tiền về đưa lại cho H, nếu người vay tiền không trực tiếp đóng tiền thì N, T2 yêu cầu người vay chuyển tiền vào 03 số tài khoản ngân hàng do H cung cấp, gồm: các tài khoản 9894261020, 509408866 và 989415112018 mang tên Nguyễn Thị T, mở tại ngân hàng M3. Khi người dân có nhu cầu vay tiền thì T2, N, H yêu cầu người vay phải thế chấp lại các giấy tờ như: Căn cước công dân, Giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu…Khi người vay góp được từ 20 ngày trở lên nếu có nhu cầu đáo hạn lại thì H sẽ cho "đáo hạn" và bắt đầu tính lại từ đầu.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã làm rõ những người vay tiền liên quan đến các bị cáo và người liên quan cụ thể như sau:

** Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã trực tiếp cho 05 người vay tiền, cụ thể:*

1. Bà **Nguyễn Thị D**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 01/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà D đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.192đ nên H thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2*:* Ngày 23/3/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Khoản vay này bà D đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 9.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 115.068đ nên H thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 115.068đ = 1.884.932đ.

Lần 3*:* Ngày 01/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà D đã đóng được 18 ngày với số tiền 3.600.000đ, gồm 3.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 600.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.315đ, nên H thu lợi bất chính số tiền 600.000đ - 49.315 đ = 550.685đ, còn nợ lại 2.000.000đ tiền gốc. Như vậy, với việc cho bà Thị D vay tổng số tiền là 17.000.000đ thì H đã thu lợi bất chính số tiền: 3.313.425đ.

2. Chị **Tạ Thị Thu H1**, vay 04 lần:

Lần 1*:* Ngày 01/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này chị H1 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192 đồng, nên H thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2*:* Ngày 18/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này chị H1 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192 đồng, nên H thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Lần 3*:* Ngày 02/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này chị H1 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192 đồng, nên H thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Lần 4*:* Ngày 05/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này chị H1 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192đ, nên H thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Như vậy, với việc cho chị H1 vay tổng số tiền là 20.000.000đ thì H đã thu lợi bất chính số tiền: 3.671.232đ.

3. Ông **Dương Việt M1**, vay 01 lần:

Ngày 16/02/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này anh M1 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192 đồng, nên H thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

4**.** Bà **Nguyễn Thị Hồng D**, vay 01 lần:

Ngày 26/6/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 300.000đ tiền gốc và lãi, thu phí số tiền 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Khoản vay này H đã thu được 08 ngày với số tiền 2.400.000đ, trong đó tiền gốc là 1.866.667đ, tiền lãi là 533.333đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 30.685đ, nên H đã thu lợi bất chính số tiền: 533.333đ + 100.000đ – 30.685đ = 602.648đ; số tiền gốc còn nợ lại 5.133.333 đồng.

5**.** Bà **Bùi Thị N1**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 12/5/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 300.000đ tiền gốc và lãi, thu phí số tiền 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Khoản vay này bà N1 đã đóng 30 ngày với số tiền là 9.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi là

2.000.000đ; Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 115.068đ, nên H thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ + 100.000đ – 115.068đ = 1.984.932đ.

Lần 2: Ngày 05/6/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 300.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Khoản vay này bà N1 đã đóng 30 ngày với số tiền là 9.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ; Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 115.068đ, nên H đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ – 115.068đ = 1.884.932đ.

Lần 3: Ngày 24/6/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 300.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Khoản vay này bà N1 đã đóng 11 ngày với số tiền 3.300.000đ, trong đó tiền gốc là 2.566.666đ, tiền lãi là 733.333đ; Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 42.192đ, nên H đã thu lợi bất chính số tiền: 733.333đ – 42.192đ = 691.141đ, số tiền gốc còn nợ lại 4.433.333đ.

Như vậy, với việc cho bà N1 vay tổng số tiền là 21.000.000đ thì H đã thu lợi bất chính số tiền: 4.561.005đ.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã cho 05 người vay với tổng số tiền cho vay là 70.000.000đ, tổng số tiền lãi đã thu là 13.866.667đ, tiền phí là 200.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 960.548, nên tổng số tiền thu lợi bất chính là 13.106.119đ.

** Bị cáo Trần Văn N giúp bị cáo Nguyễn Thị Thúy H cho 28 người vay tiền và N cho 01 người vay tiền riêng, cụ thể:*

1**.** Ông **Nguyễn Văn B**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 17/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này ông B đã đóng được 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 18/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này ông B đã đóng được 14 ngày với số tiền 2.800.000đ, trong đó tiền gốc là 2.333.333đ, tiền lãi là 466.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 38.356đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 466.667 đ – 38.356đ = 428.311đ, số tiền gốc còn nợ lại 2.666.667 đồng.

Như vậy, với việc cho ông B vay tổng số tiền 10.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.346.119đ.

2**.** Ông **Phan Thanh L2**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 10/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này ông L2 đã đóng 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 16/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này ông L2 đã đóng 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 3: Ngày 21/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này ông L2 đã đóng 10 ngày với số tiền 2.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.666.667đ, tiền lãi là 333.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 27.397đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 333.333đ – 27.397đ = 305.936đ, còn nợ lại số tiền gốc là 3.333.333 đồng.

Như vậy, với việc cho ông L2 vay tổng số tiền 15.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 2.141.552đ.

3. Bà **Mai Thị Kim C1**, tỉnh Đắk Lắk, vay 01 lần: Ngày 10/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà C1 đã đóng 08 ngày với số tiền 3.200.000đ, trong đó tiền gốc là 2.666.667đ, tiền lãi là 533.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 43.836đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 533.333đ – 43.835đ = 489.497đ, còn nợ lại số tiền gốc là 7.333.333đ.

4. Bà **Nguyễn Thị Hải N2,** vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 23/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà N2 đã đóng 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 12/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà N2 đã đóng 20 ngày với số tiền 4.000.000đ, trong đó tiền gốc là 3.333.333đ, tiền lãi là 666.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 666.667đ – 54.795đ = 611.872đ, còn nợ lại số tiền gốc là 1.666.667đ.

Như vậy, với việc cho bà N2 vay tổng số tiền 10.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.529.680đ

5. Bà **Ngô Thị P**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 20/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà P đã đóng 30 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 20/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ

(gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà P đã đóng 11 ngày với số tiền 2.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.833.333đ, tiền lãi là 366.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 30.137đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 366.667đ – 30.137đ = 336.530đ, còn nợ lại 3.166.667đ.

Như vậy, với việc cho bà P vay tổng số tiền 10.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.254.338đ

6. Bà **Lương Thị H2**,vay 01 lần: Ngày 27/3/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H2 đã đóng 06 ngày với số tiền 2.400.000đ, trong đó tiền gốc là 2.000.000đ, tiền lãi là 400.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 32.877đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 400.000đ – 32.877đ = 367.123đ. Số tiền gốc còn nợ lại 3.166.667đ.

7**.** Bà **Cao Thị T3**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 23/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà T3 đã đóng 30 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384đ nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ – 164.384đ = 1.835.616đ.

Lần 2: Ngày 30/5/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà T3 đã đóng 11 ngày với số tiền 4.400.000đ, trong đó tiền gốc là 3.666.667đ, tiền lãi là 733.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 60.274đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 733.333đ – 60.274đ = 673.059đ, số tiền gốc còn nợ lại 6.333.333đ.

Như vậy, với việc cho bà T3 vay tổng số tiền 20.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 2.508.675đ.

8. Ông **Bùi Văn N3**, vay 03 lần:

Lần 01: Ngày 20/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này, ông N3 đã đóng 30 ngày với số tiền gốc và lãi 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ– 164.384đ đ = 1.835.616đ.

Lần 02: Ngày 19/5/2024**,** vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này, ông N3 đã đóng 30 ngày với số tiền gốc và lãi 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ– 164.384 đ = 1.835.616đ.

Lần 03: Ngày 19/6/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này, ông N3 đã đóng được 14 ngày với số tiền 5.600.000đ, trong đó tiền gốc là 4.666.667đ, tiền lãi là 933.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 76.712đ, nên N đã thu

lợi bất chính số tiền: 933.333đ– 76.712đ = 856.621đ, còn nợ lại số tiền gốc là 5.333.333đ.

Như vậy, với việc cho ông N3 vay tổng số tiền là 30.000.000đ thì N đã thu lợi bất chính tổng số tiền: 4.827.854 đ.

9. Bà **Lê Thị Thu H3**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 04/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H3 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2*:* Ngày 23/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 400.000đ tiền gốc và lãi, thu phí số tiền 500.000đ, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H3 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ + 500.000 đ– 164.384 đ = 2.335.616đ.

Lần 3: Ngày 20/6/2024**,** vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H3 đã đóng được 10 ngày với số tiền 2.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.666.667đ, tiền lãi là 333.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 27.397đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 333.333đ – 27.397đ = 305.936đ, còn nợ lại 3.333.333đ tiền gốc.

Như vậy, với việc cho bà H3 vay tổng số tiền là 20.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 3.559.361đ.

10. Bà **H' Đin Niê K**, vay 04 lần:

Lần 1: Ngày 25/3/2024, vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 18.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H'Đin đã đóng đủ với số tiền là 18.000.000đ, trong đó tiền gốc là 15.000.000đ, tiền lãi là 3.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 246.575 đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 3.000.000đ – 246.575 đ = 2.753.425đ.

Lần 2: Ngày 27/4/2024, vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày trả 600.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 18.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H'Đin đã đóng đủ với số tiền là 18.000.000đ, trong đó tiền gốc là 15.000.000đ, tiền lãi là 3.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 246.575đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 3.000.000đ – 246.575 đ = 2.753.425đ.

Lần 3: Ngày 18/5/2024, vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 24.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H'Đin đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 24.000.000đ, trong đó tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi là 4.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 328,767 đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 4.000.000đ – 328,767đ = 3.671.233đ.

- Lần 4: Ngày 10/6/2024, vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 24.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H'Đin đã đóng được 05 ngày với số tiền là 4.000.000đ, trong đó tiền gốc là 3.333.333 đ, tiền lãi là 666.667 đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795 đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 666.667đ – 54,795đ = 611,872đ, còn nợ lại số tiền gốc 16.666.667đ.

Như vậy, với việc cho bà H'Đin vay tổng số tiền là 65.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 8.872.146đ.

11. Bà **H' Xuân Niê Kdăm**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 25/3/2024, vay số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Khoản vay này bà H9 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền là 15.000.000đ, trong đó tiền gốc là 12.000.000đ, tiền lãi là 3.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 197.260đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 3.000.000đ – 197.260đ = 2.802.740đ.

Lần 2: Ngày 22/5/2024, vay số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Khoản vay này bà H9 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền là 15.000.000đ, trong đó tiền gốc là 12.000.000đ, tiền lãi là 3.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 197.260đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 3.000.000đ – 197.260đ = 2.802.740đ.

Lần 3: Ngày 22/5/2024, vay số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Khoản vay này bà H9 đã đóng 05 ngày với số tiền 2.500.000đ, trong đó tiền gốc là 2.000.000đ, tiền lãi là 500.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 32.877đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 500.000đ – 32.877đ = 467.123đ, còn nợ lại số tiền gốc là 10.000.000đ.

Như vậy, với việc cho bà H9 vay tổng số tiền là 36.000.000đ, N đã thu lợi bất chính số tiền 6.072.603đ.

12. Bà **H'Anh Niê K2**, vay 03 lần:

Lần 1: Ngày 24/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H10 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 19/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này bà H10 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ – 164.384đ = 1.835.616đ.

Lần 3: Ngày 23/5/2024, vay số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày mỗi ngày góp 500.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ

(gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Khoản vay này bà H10 đã đóng 21 ngày với số tiền 10.500.000đ, trong đó tiền gốc là 8.400.000đ, tiền lãi là 2.100.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 138.082đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.100.000đ – 138.082đ = 1.961.918đ, còn nợ lại tiền gốc 3.600.000đ.

Như vậy, với việc cho bà H10 vay tổng số tiền là 27.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 4.715.342đ.

13. Bà **H' Ngót Ayun**, vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/3/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Bà H' Ngót đã đóng được 30 ngày với số tiền là 9.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 115.068đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 2.000.000đ – 115.068đ = 1.884.932đ.

Lần 2: Ngày 29/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Bà H' Ngót đã đóng được 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 3: Ngày 14/6/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Bà H' Ngót đã đóng được 14 ngày với số tiền 4.200.000đ, trong đó tiền gốc là 3.266.667đ, tiền lãi là 933.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 53.699đ, nên N đã thu lợi bất chính số tiền: 933.333đ – 53.699đ = 879.634đ, còn nợ lại số tiền gốc là 3.733.333đ.

Như vậy, với việc cho bà H' Ngót vay tổng số tiền là 19.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 3.682.374đ.

14. Chị **Lê Thị Hồng V**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 15/3/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị V đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192 đồng, nên N thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 13/6/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị V đã đóng được 12 ngày với số tiền 2.400.000đ, trong đó tiền gốc là 2.000.000đ, tiền lãi là 400.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 32.877đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 400.000đ - 32.877đ = 367.123đ, còn nợ lại 3.000.000đ tiền gốc.

Như vậy, với việc cho chị V vay tổng số tiền là 10.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.284.931đ.

15. Chị **Nguyễn Phương T10**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 25/3/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và

lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị T10 đã đóng được 30 ngày gồm với số tiền 12.000.000đ gồm 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiễn lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 164.384 đồng, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 164.384đ = 1.835.616đ.

Lần 2: Ngày 11/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị T10 đã đóng được 17 ngày gồm với số tiền 3.400.000đ gồm 2.833.333 đồng tiền gốc và 566.667 đồng tiễn lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 46.575 đồng, nên N thu lợi bất chính số tiền 566.667đ - 46.575 đ = 520.091đ, còn nợ lại 2.166.667đ.

Như vậy, với việc cho chị T10 vay tổng số tiền là 15.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 2.355.707đ.

16. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T4**, vay 02 lần:

Lần 01: Ngày 01/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị T4 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đ - 82.192 đ = 917.808đ.

Lần 02: Ngày 03/5/2024, vay số tiền 7.500.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị T4 đã đóng được 21 ngày với số tiền 6.300.000đ, gồm 2.250.000đ tiền gốc và 1.050.000đ tiền lãi; lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 86.301đ, thu lợi bất chính số tiền 1.050.000đ - 86.301đ = 963.699đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.700.000đ.

Như vậy, với việc cho chị T4 vay tổng số tiền là 12.500.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.881.507đ.

17. Chị **Hoàng Việt H4**, vay 01 lần: Ngày 15/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị H4 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ, tiền lãi theo quy định của nhà nước 164.384đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 164.384 đồng = 1.835.616đ.

18**.** Chị **Đào Thị Tố N4**, vay 04 lần:

Lần 1: Ngày 25/3/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị N4 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 164.384 đồng, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 164.384đ = 1.835.616đ.

Lần 2*:* Ngày 24/4/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Chị N4 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 9.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ,

lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 115.068đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 115.068đ = 1.884.932đ.

Lần 3: Ngày 17/5/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị N4 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ, tiền lãi theo quy định của nhà nước 164.384đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 164.384 đồng = 1.835.616đ.

Lần 4: Ngày 11/5/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị N4 đã đóng được 26 ngày với số tiền 10.400.000đ, gồm 8.666.667đ tiền gốc và 1.666.667đ tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 142.466 đồng, nên N thu lợi bất chính số tiền 1.666.667đ - 142.466đ = 1.590.868đ, còn nợ lại 1.333.333đ.

Như vậy, với việc cho chị N4 vay tổng số tiền là 37.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 7.147.032đ.

19. Chị **Hoàng Thị Thu H5**, vay 01 lần: Ngày 01/04/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị H5 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000 đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

20. Anh **Hồ Văn P1**, vay 01 lần: Ngày 23/3/2024, vay số tiền 8.000.000đ, thời hạn vay 22 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Anh P1 đã đóng được 9 ngày với số tiền là 3.600.000đ, trong đó tiền gốc là 3.272.727 đ, tiền lãi là 327.273đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 39.452đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 327.273đ - 39.452đ = 287.821đ, còn nợ lại số tiền gốc 5.200.000 đồng.

21. Chị **Đinh Thị C2,** vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 18/3/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị C2 đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 05/4/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị C2 đã đóng đủ 13 ngày với số tiền 2.600.000đ, trong đó tiền gốc là 2.166.667đ, tiền lãi là 433.333đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 35.616đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 433.333 đ - 35.616đ = 397.717đ, còn nợ lại 2.833.333 đồng tiền gốc.

Như vậy, với việc cho chị C2 vay tổng số tiền là 10.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 1.315.525đ.

22. Anh **Nguyễn Văn D1**, vay 01 lần: Ngày 13/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Anh Dũng đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 82.192đ, nên N thu lợi bất chính số tiền .000.000đ - 82.192đ = 917.808đ.

23. Chị **Tạ Thị Thanh T5**, vay 01 lần: Ngày 15/5/2024, vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 18.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị T5 đã đóng được 27 ngày với số tiền 16.200.000đ, trong đó tiền gốc là 13.500.000đ, tiền lãi là 2.700.000đ; lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 221.918đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.700.000đ - 221.918 đ = 2.478.082đ, còn nợ lại 1.500.000 đồng tiền gốc.

24. Chị **Đinh Thị T9**, vay 01 lần: Ngày 22/3/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị T9 đã đóng được 30 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 164.384đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 164.384 đ = 1.835.616đ.

25. Chị **Bùi Thị H6**, vay 02 lần:

Lần 01: Ngày 27/3/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị H6 đã đóng được 30 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 2.000.000đ, tiền lãi theo quy định của nhà nước 164.384 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ - 164.384đ = 1.835.616đ.

Lần 2: Ngày 25/4/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Chị H6 đã đóng 25 ngày với số tiền 10.000.000đ, trong đó tiền gốc là 8.333.333đ, tiền lãi là 1.666.667đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 136.986đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 1.666.667đ - 136.986đ = 1.529.680đ, còn nợ lại 1.666.667đ tiền gốc.

Như vậy, với việc cho chị H6 vay tổng số tiền là 20.000.000đ. N đã thu lợi bất chính số tiền 3.365.296đ.

26. Anh **Bùi Đại N5**, vay 01 lần: Ngày 01/7/2024, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 24 ngày, mỗi ngày góp 500.000đ tiền gốc và tiền lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 12.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Anh N5 đã đóng được 3 ngày với số tiền 1.500.000đ, trong đó tiền gốc là 1.250.000đ, tiền lãi là 250.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 16.438đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 250.000đ - 16.438đ = 233.562đ, còn nợ lại 8.750.000 đồng tiền gốc.

27. Chị **H' LaNa Niê**, vay 01 lần: Ngày 13/02/2024, vay số tiền 7.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi

trả đủ sẽ thành 9.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 348%/năm. Chị H' LaNa Niê đã đóng đủ 30 ngày với số tiền 9.000.000đ, trong đó tiền gốc là 7.000.000đ, tiền lãi là 2.000.000đ, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 115.068đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ + 100.000đ - 115.068đ = 1.984.932đ.

28. Chị **H4,** vay 01 lần: Ngày 04/6/2024, vay số tiền 12.000.000đ trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Chị H4 mới đóng được 02 ngày với số tiền 1.000.000đ gồm: 800.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 13.151đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 200.000đ - 13.151đ =186.849đ, còn nợ 11.200.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, H đã cùng N cho 28 người dân vay tiền với tổng số tiền cho vay là 473.500.000đ đồng, tiền thu lợi bất chính là 70.012.570 đ đồng.

Ngoài ra, bị cáo Trần Văn N cho chị Vũ Thị Kim V1, vay riêng 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 18/4/2024, vay số tiền 12.000.000đ trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 500.000đ, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Chị V1 đóng được 30 ngày với số tiền 15.000.000đ gồm: 12.000.000đ tiền gốc và 3.000.000đ tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 197.260đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 3.000.000đ - 197.260đ = 2.802.740đ.

Lần 2: Ngày 31/5/2024, vay số tiền 12.000.000đ trả góp 30 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 15.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 304%/năm. Khoản vay này chị V1 mới đóng được 5 ngày với số tiền 2.500.000đ gồm: 2.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi, lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước 32.877 đ, nên N thu lợi bất chính số tiền 500.000đ - 32.877 đ = 467.123đ, số tiền gốc còn nợ lại là 10.0000.000đ.

Như vậy, với việc cho chị V1 vay tổng số tiền là 24.000.000đ, N đã thu lợi bất chính riêng số tiền 3.269.863đ

** Đỗ Anh T2 đã trực tiếp cho 16 người vay tiền, cụ thể:*

1. Bà **Lê Thị Thanh H7**, vay 02 dây, cụ thể:

- Dây 1:

Lần 1: Ngày 23/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ – 82.192đ = 917.808đ.

Lần 2: Ngày 01/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 16 ngày với số tiền 3.200.000đ, trong đó tiền gốc là 2.666,667đ, tiền lãi là 533.333đ. Lãi suất cao nhất

theo quy định của Nhà nước là 43.836đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 533.333đ – 43.836đ = 489.497đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.333.333đ.

- Dây 2: Ngày 29/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 14 ngày với số tiền 2.800.000đ, trong đó tiền gốc là 2.333.333đ, tiền lãi là 466.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 38.356đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 466.667đ – 38.356đ = 428.311đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.666.667 đồng.

Như vậy, với việc cho bà H7 vay tổng số tiền là 15.000.000đ. T2 thu lợi bất chính số tiền 1.835.616đ.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim S**, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 28/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ + 100.000đ – 82.192đ = 1.017.808đ.

Lần 2: Ngày 28/5/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 13 ngày với số tiền 2.600.000đ, trong đó tiền gốc là 2.166.667đ, tiền lãi là 433.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 35.616đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 433.333đ + 100.000đ – 35.616đ = 497.717đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.833.333 đồng.

Như vậy, với việc cho bà S vay tổng số tiền là 10.000.000đ, T2 thu lợi bất chính số tiền 1.515.525đ.

3. Bà **Huỳnh Thị Vy K3**, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 09/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với số tiền 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ + 100.000đ – 82.192đ = 1.017.808đ.

Lần 2: Ngày 29/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu 05 ngày với số tiền 1.000.000đ, trong đó tiền gốc là 833.333đ, tiền lãi là 166.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 13.699đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 166.667đ + 100.000đ – 13.699đ = 252.968đ, còn nợ lại số tiền gốc là 4.166.667đ.

Như vậy, với việc cho bà K3 vay tổng số tiền là 10.000.000đ, T2 thu lợi bất chính số tiền 1.270.776đ.

4. Bà **Nguyễn Thị X**, vay 01 lần: Ngày 18/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu 16 ngày với số tiền 3.200.000đ, trong đó tiền gốc là 2.666.667đ, tiền lãi là

533.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 43.836đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 533.333đ + 100.000đ – 43.836đ = 589.497đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.333.333 đồng.

5. Bà **Đinh Thị Kim C3**, vay 01 lần: Ngày 18/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu 15 ngày với số tiền 3.000.000đ, trong đó tiền gốc là 2.500.000đ, tiền lãi là 500.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 500.000đ – 41.096đ = 458.904đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.500.000đ.

6. Bà **Phạm Thị Thanh T7**, vay 01 lần: Ngày 08/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 25 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.166.667đ, tiền lãi là 833.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 68.493đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 833.333đ – 68.493đ = 764.840đ, còn nợ lại số tiền gốc là 833.333đ.

7. Bà **Nguyễn Thị Bích P2**, vay 01 lần: Ngày 12/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 20 ngày với số tiền 4.000.000đ, trong đó tiền gốc là 3.333.333đ, tiền lãi là 666.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 666.667đ – 54.795đ = 611.872đ, còn nợ lại số tiền gốc là 1.666.667đ.

8. Ông **Lê Xuân T8**, vay 01 lần: Ngày 09/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, không thu phí, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được được 25 ngày với số tiền 5.000.000đ, trong đó tiền gốc là 4.166.667đ, tiền lãi là 833.333đ**.** Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 68.493đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 833.333đ – 68.493đ = 764.840đ, còn nợ lại số tiền gốc là 833.333đ.

9. Bà **Đoàn Thị Quỳnh H8**, vay 01 lần: Ngày 10/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 200.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 23 ngày với số tiền 4.600.000đ, trong đó tiền gốc là 3.833.333đ, tiền lãi là 766.667đ**.** Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 63.014đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 766.667đ + 200.000đ – 63.014đ = 903.653đ, còn nợ lại số tiền gốc là 1.166.667đ.

10. Bà **H' Wer Êban**, vay 01 lần: Ngày 17/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 15 ngày với số tiền 3.000.000đ, trong đó tiền gốc là 2.500.000đ, tiền lãi là 500.000đ**.** Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 500.000đ + 100.00đ – 41,096đ = 558.904đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.500.000đ.

11. Bà **H La Niê B1**, vay 02 dây, cụ thể:

- Dây 1:

Lần 1: Ngày 05/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ + 100.000đ – 82.192đ = 1.017.808đ.

Lần 2: Ngày 24/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 08 ngày với số tiền 1.600.000đ, trong đó tiền gốc là 1.333,333đ, tiền lãi là 266.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 21,918đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 266,667đ + 100.000đ – 21,918đ = 344.749đ, còn nợ lại số tiền gốc là 3.666.667đ.

- Dây 2: Ngày 30/6/2024, vay số tiền 2.500.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày 100.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 50.000đ, khi trả đủ sẽ thành 3.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 03 ngày với số tiền 300.000đ, trong đó số tiền gốc là 250.000đ, tiền lãi là 50.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 4.110đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 50.000đ + 50.000đ – 4.110 đ= 95.890đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.250.000đ.

Như vậy, với việc cho bà H’ L3 vay tổng số tiền là 12.500.000đ, T2 thu lợi bất chính số tiền 1.458.447đ

12. Bà **H Đạt N7**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 07/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ + 100.000đ – 82.192đ = 1.017.808đ.

Lần 2: Ngày 26/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 05 ngày với số tiền 1.000.000đ, trong đó tiền gốc là 833.333đ, tiền lãi là 166.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 13.699đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 166.667đ + 100.000đ – 13.699đ = 252.968đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.250.000đ, còn nợ lại số tiền gốc là 4.166.667đ.

Như vậy, với việc cho bà H’ Đ2 vay tổng số tiền là 10.000.000đ, T2 thu lợi bất chính số tiền 1.270.776đ .

13. Bà **H Băm N8**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 01/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao

nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ + 100.000đ – 82.192đ = 1.017.808đ.

Lần 2: Ngày 18/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 14 ngày với số tiền 2.800.000đ, trong đó tiền gốc là 2.333.333đ, tiền lãi là 466.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 38.356đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 466.667đ + 100.000đ – 38.356đ = 528.311đ, còn nợ lại số tiền gốc là 2.666.667đ.

Như vậy, với việc cho bà H' Băm vay tổng số tiền là 10.000.000đ, T2 thu lợi bất chính số tiền 1.546.119đ

14. Bà **H Mrai N9**, vay 02 lần:

Lần 1: Ngày 03/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu đủ 30 ngày với số tiền là 6.000.000đ, trong đó tiền gốc là 5.000.000đ, tiền lãi là 1.000.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 1.000.000đ + 100.000đ – 82.192đ = 1.017.808đ.

Lần 2: Ngày 22/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 10 ngày với số tiền 2.000.000đ, trong đó tiền gốc là 1.666,667đ, tiền lãi là 333.333đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 27.397đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 333.333đ + 100.000đ – 27.397đ = 405.936đ, còn nợ lại số tiền gốc là 3.333.333đ.

Như vậy, với việc cho bà H' Mrai vay tổng số tiền là 10.000.000đ, T2 thu lợi bất chính số tiền 1.423.744đ.

15. Bà **H Jih N11**, vay 01 lần: Ngày 25/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. T2 đã thu được 08 ngày với số tiền 1.600.000đ, trong đó tiền gốc là 1.333.333đ, tiền lãi là 266.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 21.918đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 266.667đ + 100.000đ – 21.918đ = 344.749đ, còn nợ lại số tiền gốc là 3.666.667 đồng.

16. Bà **H Khanh B2**, vay 01 lần: Ngày 25/6/2024, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000đ tiền gốc và lãi, thu phí 100.000đ, khi trả đủ sẽ thành 6.000.000đ (gồm cả gốc và lãi) nên lãi suất là 243%/năm. Khoản vay này T2 đã thu được 23 ngày với số tiền 4.600.000đ, trong đó tiền gốc là 3.833.333đ, tiền lãi là 766.667đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 63.014đ, nên T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 766.667đ + 100.000đ – 63.014đ = 803.653đ, còn nợ lại số tiền gốc là 1.166.667đ.

Như vậy, Đỗ Anh T2 đã cho tổng cộng 16 người vay tiền với tổng số tiền cho vay 122.500.000đ, tổng số tiền lãi đã thu 15.550.000đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 1.278.082đ, tiền phí 1.850.000đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 16.121.918đ**.**

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã cho tổng cộng 49 người vay, với tổng số tiền cho vay 666.000.000 đồng, tổng số tiền phí đã thu 2.650.000đ, tổng số tiền lãi đã

thu 104.710.606đ, tổng lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 8.120.000đ, tổng số tiền thu lợi bất chính là 99.240.606 đồng.

- *Đồ vật, tài liệu tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H:*

Ngày 02/7/2024, H tự nguyện giao nộp:

+01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, IMEI: 359180073319938;

+ 01 (một) điện thoại di động Masstel, màu Đỏ - Đen, IMEI: 352766248804064;

Ngày 02/7/2024, khám xét chỗ ở của H tạm giữ:

+ 01 (một) Đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trọng Đ3, số 038032, do Công an tỉnh Đ cấp năm 2007 kèm tờ giấy vở học sinh có ký tên Nguyễn Thị Hồng D – 192/15/5 Võ Văn K4, kèm số điện thoại 0814745775;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 066181001400, mang tên Bùi Thị N1, 01 tờ giấy vở học sinh ở góc ghi và kí tên Bùi Thị N1 – 0964586787;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 066180003827, mang tên Mai Thị Kim C1;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Mai Thị Kim C1, kèm số điện thoại 0948041078 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 046062003262, mang tên Nguyễn Văn B;

+ 01 (một) Giấy phép lái xe số 660126799871, mang tên Phan Thanh L2;

+ 01 (một) Giấy phép lái xe số 6601055008784, mang tên Nguyễn Thị Hải N2;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 060176008607, mang tên Ngô Thị P;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Ngô Thị P, kèm số điện thoại 0942364189 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) Căn cước công dân (phô tô) số 066162005178, mang tên Lương Thị H2;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Lương Thị H2, kèm số điện thoại 0822768578, ngày 30/5/2024, có nội dung "ko giải quyết 30 ngày lấy xe" và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111725, mang tên Lê Thị Hoàng M2;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 051067017719, mang tên Bùi Văn N3.

+ 01 (một) Căn cước công dân số 066189004870, mang tên H Xuân Niê K5;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 066183006355, mang tên H' Anh Niê K5;

+ 01 (Một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên H' Anh Niê K5, kèm số điện thoại 0912754747 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) Căn cước công dân (bản phô tô) số 066189007885, mang tên H' Ngot Ayun;

+ 01 (một) Căn cước công dân số 066308005294, mang tên Hoàng Thị Bảo Y;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên H' Ngot Ayun, kèm số điện thoại 0889433630 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 058164002842, mang tên Nguyễn Thị Kim S;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 046176009805, mang tên Nguyễn Thị X;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066172013942, mang tên Đinh Thị Kim C3;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066187013215, mang tên Phạm Thị Thanh T7;

+ 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô, số 661046007219, tên Nguyễn Thị Bích P2;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 054088006930, mang tên Lê Xuân T8;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 048360, mang tên Y Vương Ê1;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188013571, tên Đoàn Thị Quỳnh H8;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 47 011876, mang tên Y Đen Ê2;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188018085, mang tên H La Niê B1;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 049022, tên Nguyễn Văn L4;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066170009568, mang tên H Đạt N7;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066177003643, mang tên H Băm N8;

+ 01 (một) Giấy khai sinh (bản sao), mang tên Nguyễn Niê H H11;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066173006456, mang tên H Mrai N9;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066161003947, mang tên H Jih N11;

+ 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066160002368, mang tên H Khanh B3.

- *Đồ vật, tài liệu tạm giữ của bị cáo Trần Văn N:*

+01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, số IMEI: 357828280754469, IMEI 2: 357828280883292, kèm sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao 0862985583 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, số IMEI 1: 867327061812045, số IMEI 2: 867327061812052, kèm sim điện thoại mạng V2 có số thuê bao 0388755168, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Damsel, biển số 48F4-2210, màu sơn đỏ, số máy: C100MPE-0040039, số khung: C100MP-0040039, không kiểm tra tình trạng bên trong; 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0032230; biển số 48F4-2210 và 01 (một) giấy mua - bán xe máy giữa cửa hàng X1, địa chỉ: B L, phường E, thành phố B với ông Phùng Hứa Đ4, địa chỉ: N, phường E, thành phố B.

- *Đồ vật, tài liệu tạm giữ của Đỗ Anh T2:*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 355322085134038; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0866506998 số seri 8984048000933725621.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKS-BMT ngày 20/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và Trần Văn N, về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nói trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và bị cáo Trần Văn N, phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy H số tiền 80.000.000đồng - 100.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước .

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N số tiền số tiền 60.000.000đồng - 80.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

** Về xử lý vật chứng:* Ngày 12/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại đồ vật, tài liệu cho chủ sở hữu hợp pháp gồm:

+ Trả lại 01 (một) Đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trọng Đ3, số 038032, do Công an tỉnh Đ cấp năm 2007, cho người sử dụng cầm cố là chị Nguyễn Thị Hồng D.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066181001400, mang tên Bùi Thị N1, trả lại cho chị Bùi Thị N1 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066180003827, mang tên Mai Thị Kim C1 cho chị Mai Thị Kim Chi C1 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 046062003262, mang tên Nguyễn Văn B cho anh Nguyễn Văn B là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe số 660126799871, mang tên Phan Thanh L2 cho anh Phan Thanh L2 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe số 6601055008784, mang tên Nguyễn Thị Hải N2 cho chị Nguyễn Thị Hải N2 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 060176008607, mang tên Ngô Thị P cho chị tên Ngô Thị P là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111725, mang tên Lê Thị Hoàng M2 cho Lương Thị H2 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 051067017719, mang tên Bùi Văn N3 cho anh Bùi Văn N3 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066189004870, mang tên H Xuân N12 Kdăm cho chị H Xuân N12 Kdăm theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066183006355, mang tên H' Anh Niê K5 cho chị H' Anh N12 Kdăm theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066308005294, mang tên Hoàng Thị Bảo Y cho người sử dụng cầm cố là chị H' Ngot Ayun theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 058164002842, mang tên Nguyễn Thị Kim S cho chị Nguyễn Thị Kim S theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 046176009805, mang tên Nguyễn Thị X cho chị Nguyễn Thị X theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066172013942, mang tên Đinh Thị Kim C3 cho chị Đinh Thị Kim C3 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066187013215, mang tên Phạm Thị Thanh T7 cho chị Phạm Thị Thanh T7 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô, số 661046007219, tên Nguyễn Thị Bích P2 cho chị Nguyễn Thị Bích P2 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 054088006930, mang tên Lê Xuân T8 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 048360, mang tên Y Vương Ê1 cho anh Lê Xuân T8 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188013571, tên Đoàn Thị Quỳnh H8 cho chị Đoàn Thị Quỳnh H8 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 47B 011876, mang tên Y Đen Ê2 cho người sử dụng cầm cố là chị H' Wer Êban theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188018085, mang tên H La Niê B1 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 049022, tên Nguyễn Văn L4 cho chị H La Niê B1 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066170009568, mang tên H Đạt N7 cho chị H Đạt Niê theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066177003643, mang tên H Băm N8 cho chị H Băm Niê theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy khai sinh (bản sao), mang tên Nguyễn Niê H12 H11 cho người sử dụng để thế chấp là H' Băm Êban

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066173006456, mang tên H Mrai N9 cho H Mrai N9 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066161003947, mang tên H Jih N11 cho H Jih N11 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066160002368, mang tên H Khanh B3; trả lại cho H Khanh Bya theo quy định.

- Đối với công cụ, phương tiện, tài sản các bị cáo, người liên quan sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, IMEI: 359180073319938;

+ 01 (một) điện thoại di động Masstel, màu Đ1 - Đen, IMEI: 352766248804064.

+ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, số IMEI: 357828280754469, IMEI 2: 357828280883292, kèm sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao 0862985583;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, số IMEI 1: 867327061812045, số IMEI 2: 867327061812052, kèm sim điện thoại mạng viettel có số thuê bao 0388755168.

+ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 355322085134038; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0866506998 số seri 8984048000933725621.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H:

1.Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng D số tiền 602,648 đồng;

2.Trả lại cho chị Bùi Thị N1 số tiền 4.561.005 đồng;

3.Trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền 3.720.548 đồng;

4.Trả lại cho chị Tạ Thị Thu H1 số tiền 4.638.356 đồng;

5.Trả lại cho anh Dương Việt M1 số tiền 917.808 đồng;

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và bị cáo Trần Văn N trả cho 28 người vay, cụ thể như sau:

1. Trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 1.346.119 đồng;
2. Trả lại cho anh Phan Thanh L2 số tiền 2.141.533 đồng;
3. Trả lại cho chị Mai Thị Kim C1 số tiền 489.498 đồng;
4. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải N2 số tiền 1.529.680 đồng;
5. Trả lại cho chị Ngô Thị P số tiền 1.254.338 đồng;
6. Trả lại cho chị Lương Thị H2 số tiền 367.123 đồng;
7. Trả lại cho chị Cao Thị T3 số tiền 2.508.676 đồng;
8. Trả lại cho anh Bùi Văn N3 số tiền 4.527.854 đồng;
9. Trả lại cho chị Lê Thị Thu H3 số tiền 3.059.361 đồng;
10. Trả lại cho chị H' Đin Niê KĐăm số tiền 8.872.146 đồng;
11. Trả lại cho chị H' Xuân Niê KĐăm số tiền 6.072.603 đồng;
12. Trả lại cho chị H' Anh N11 KĐăm số tiền 4.751.342 đồng;
13. Trả lại cho chị H' Ngót Ayun số tiền 3.682.374 đồng;
14. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T4 số tiền 4.130.137 đồng;
15. Trả lại cho chị Lê Thị Hồng V số tiền 1.284.932 đồng;
16. Trả lại cho chị H' LaNa Niê số tiền 1.984.932 đồng;
17. Trả lại cho chị Nguyễn Phương T10 số tiền 2.355.708 đồng;
18. Trả lại cho chị Đào Thị Tô N13 số tiền 7.147.032 đồng;
19. Trả lại cho chị Đinh Thị T9 số tiền 1.935.616 đồng;
20. Trả lại cho anh Hồ Văn P1 số tiền 287.821 đồng;
21. Trả lại cho chị Bùi Thị H6 số tiền 3.365.297 đồng;
22. Trả lại cho anh Bùi Đại N5 số tiền 233.526 đồng;
23. Trả lại cho chị Hoàng Việt H4 số tiền 1.835.616 đồng;
24. Trả lại cho chị Tạ Thị Thanh T5 số tiền 2.478.082 đồng;
25. Trả lại cho anh Dương Việt M1 số tiền 917.808 đồng;
26. Trả lại cho chị Hoàng Thị Thu H5 tiền 917.808 đồng;
27. Trả lại cho anh Nguyễn Văn D1 số tiền 917.808 đồng;
28. Trả lại cho chị Đinh Thị C2 tiền 917.808 đồng;

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và Đỗ Anh T2 trả cho 16 người vay, cụ thể như sau:

1. Trả lại cho chị Lê Thị Thanh H7 số tiền 1.835.616 đồng;
2. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim S số tiền 1.515.525 đồng;
3. Trả lại cho chị Huỳnh Thị Vy K3 số tiền 1.270.776 đồng;

4. Trả lại cho chị Nguyễn Thị X số tiền 589.497 đồng;
5. Trả lại cho chị Đinh Thị Kim C3 số tiền 458.904 đồng;
6. Trả lại cho chị Phạm Thị Thanh T7 số tiền 764.840 đồng;
7. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích P2 số tiền 611.872 đồng;
8. Trả lại cho anh Lê Xuân T8 số tiền 764.840 đồng;
9. Trả lại cho chị Đoàn Thị Quỳnh H8 số tiền 703.653 đồng;
10. Trả lại cho chị H' Wer Êban số tiền 558.904 đồng;
11. Trả lại cho chị H' La Niê Brit số tiền 1.478.776 đồng;
12. Trả lại cho chị H' Đạt Niê số tiền 1.270.776 đồng;
13. Trả lại cho chị H' Băm Niê số tiền 1.546.119 đồng;
14. Trả lại cho chị H' Mrai Niê số tiền 1.423.744 đồng;
15. Trả lại cho chị H' Jih Niê số tiền 344.749 đồng;
16. Trả lại cho chị H' Khanh Byă số tiền 803.653 đồng;

Bị cáo Trần Văn N trả lại cho chị Vũ Thị Kim V1 số tiền 3.269. 863 đồng.

- Buộc truy thu để sung công quỹ nhà nước từ bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và Trần Văn N số tiền 358.906.061đ là tiền gốc 28 người vay đã trả cho H và N; truy thu số tiền 77.750.000đ là tiền gốc mà 16 người vay đã trả cho bị cáo H và T2; truy thu số tiền 58.433.333đ là tiền gốc mà 05 người vay đã trả cho H; truy thu số tiền 14.000.000đ là tiền gốc mà 01 người vay đã trả cho bị cáoNam. Đồng thời, truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và Trần Văn N số tiền 5.799.178đ là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) nộp sung ngân sách Nhà nước mà bị cáoHằng, N đã hưởng lợi từ việc cho 28 người vay; truy thu của bị cáo H và T2 số tiền 1.278.082đ là tiền lãi theo quy định (lãi suất không vượt quá 20% khoản vay/năm) nộp sung ngân sách Nhà nước mà bị cáo H và N đã hưởng lợi từ việc cho 16 người vay; truy thu của bị cáoHằng số tiền 960.548 đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20% khoản vay/năm) nộp sung ngân sách Nhà nước mà bị cáoHằng đã hướng lợi từ việc cho 05 người vay tiền, truy thu số tiền 230.137đ là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20% khoản vay/năm) nộp sung ngân sách Nhà nước mà bị cáoNam đã hướng lợi từ việc cho 01 người vay tiền.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền nợ gốc mà những người đã vay của các bị cáo nhưng chưa trả hết, gồm những người sau:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng D nộp lại số tiền 5.133.333 đồng;
2. Chị Bùi Thị N1 nộp lại số tiền 4.433.333 đồng;
3. Anh Phan Thanh L2 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
4. Chị Mai Thị Kim C1 nộp lại số 7.333.333 đồng;
5. Chị Nguyễn Thị Hải N2 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
6. Chị Ngô Thị P nộp lại số tiền 3.166.667 đồng;
7. Chị Lương Thị H2 nộp lại số tiền 8.000.000 đồng;
8. Chị Cao Thị T3 nộp lại số tiền 6.333.333 đồng;
9. Anh Bùi Văn N3 nộp lại số tiền 5.333.333 đồng;
10. Chị Lê Thị Thu H3 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
11. Chị H' Đin Niê KĐăm nộp lại số tiền 16.666.667 đồng;
12. Chị H' Xuân Niê KĐăm nộp lại số tiền 10.000.000 đồng;
13. Chị H' Anh N11 KĐăm nộp lại số tiền 3.600.000 đồng;
14. Chị H' Ngót Ayun nộp lại số tiền 3.733.333 đồng;
15. Chị Lê Thị Thanh H7 nộp lại số tiền 2.666.667 đồng;

15. Chị Nguyễn Thị Kim S nộp lại số tiền 2.833.333 đồng;
16. Chị Huỳnh Thị Vy K3 nộp lại số tiền 4.166.667 đồng;
17. Chị Nguyễn Thị X nộp lại số tiền 2.333.333 đồng;
18. Chị Đinh Thị Kim C3 nộp lại số tiền 2.500.000 đồng;
19. Chị Phạm Thị Thanh T7 trả lại số tiền 833.333 đồng;
20. Chị Nguyễn Thị Bích P2 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
21. Anh Lê Xuân T8 nộp lại số tiền 833.333 đồng;
22. Chị Đoàn Thị Quỳnh H8 nộp lại số tiền 1.166.667 đồng;
23. Chị H' Wer Êban nộp lại số tiền 2.500.000 đồng;
24. Chị H' La Niê Brit nộp lại số tiền 5.916.667 đồng;
25. Chị H' Đạt Niê nộp lại số tiền 4.166.667 đồng;
26. Chị H' Băm Niê nộp lại số tiền 2.666.667 đồng;
27. Chị H' Mrai Niê nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
28. Chị H' Jih Niê nộp lại số tiền 3.666.667 đồng;
29. Chị H' Khanh Byă nộp lại số tiền 1.166.667 đồng;
30. Chị Nguyễn Thị Ngọc T4 nộp lại số tiền 2.250.000 đồng;
31. Chị Lê Thị Hồng V nộp lại số tiền 3.000.000 đồng;
32. Chị Nguyễn Thị Phương T10 nộp lại số tiền 2.166.667 đồng;
33. Anh Bùi Đại N5 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
34. Chị Đào Thị Tô N13 nộp lại số tiền 1.333.333 đồng;
35. Anh Hồ Văn P1 nộp lại số tiền 4.727.273 đồng;
36. Chị Bùi Thị H6 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
37. Anh Bùi Đại N5 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
38. Chị Hoàng Việt H4 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
39. Chị Tạ Thị Thanh T5 nộp lại số tiền 1.500.000 đồng;
40. Chị Đinh Thị C2 nộp lại số tiền 2.833.333 đồng;
41. Chị Nguyễn Thị D nộp lại số tiền 2.000.000 đồng;
42. Chị Vũ Thị Kim V1 nộp lại số tiền 10.000.000 đồng;

Tổng cộng: 180.901.606đồng.

Hành vi và đối tượng khác:

Đối với đối tượng Đỗ Anh T2: Quá trình điều tra xác định T2 trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tuy nhiên số tiền thu lợi bất chính chưa đến 30.000.000đ, chưa bị xử lý hành chính với hành vi cho vay tiền với lãi suất cao. Vì vậy, hành vi của T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó, Công an thành phố B báo cáo gửi UBND thành phố B để ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Đỗ Anh T2 với số tiền phạt 15.000.000 đồng là phù hợp.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo Cáo trạng số: 66/CT-VKS-BMT ngày 20/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 7/2024, bị cáo Nguyễn Thị Thúy H thuê bị cáo Trần Văn N và đối tượng Đỗ Anh T2 giúp sức cho bị cáo H cho 49 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với lãi suất cao từ 243,3%/năm đến 348%/năm nhằm thu lợi bất chính, với tổng số tiền gốc 666.000.000đồng và thu lợi bất chính số tiền là 99.240.606 đồng.

Trong tổng số 49 người vay thì bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã trực tiếp cho 05 người vay tiền, với số tiền gốc là 70.000.000đồng, thu lợi bất chính số tiền 42.976.165đồng thì bị phát hiện xử lý.

Bị cáo Trần Văn N đã giúp bị cáo H trực tiếp cho 28 người vay tiền với số tiền gốc là 473.500.000đồng, thu lợi bất chính số tiền là 70.012.570 đồng và bị cáo N tự mình cho 01 người vay với tổng số tiền cho vay là 24.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.269.863 đồng. Tổng số tiền bị cáo N cho 29 người vay là 494.500.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 73.282.433 đồng thì bị phát hiện xử lý.

Đỗ Anh T2 đã giúp bị cáo H trực tiếp cho 16 người vay tiền với số tiền gốc là 122.500.000đồng, thu lợi bất chính số tiền là 16.121.918đồng thì bị phát hiện xử lý.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và bị cáo Trần Văn N đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[3]. Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng và gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i; s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không xử phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo.

[7]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

* Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền gốc mà những người vay, đã vay của các bị cáo nhưng chưa trả hết nên cần truy thu của những người vay để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng D nộp lại số tiền 5.133.333 đồng;
2. Chị Bùi Thị N1 nộp lại số tiền 4.433.333 đồng;
3. Anh Phan Thanh L2 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
4. Chị Mai Thị Kim C1 nộp lại số 7.333.333 đồng;
5. Chị Nguyễn Thị Hải N2 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
6. Chị Ngô Thị P nộp lại số tiền 3.166.667 đồng;
7. Chị Lương Thị H2 nộp lại số tiền 8.000.000 đồng;
8. Chị Cao Thị T3 nộp lại số tiền 6.333.333 đồng;
9. Anh Bùi Văn N3 nộp lại số tiền 5.333.333 đồng;
10. Chị Lê Thị Thu H3 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
11. Chị H’ Đin Niê KĐăm nộp lại số tiền 16.666.667 đồng;
12. Chị H’ Xuân Niê KĐăm nộp lại số tiền 10.000.000 đồng;
13. Chị H’ Anh N11 KĐăm nộp lại số tiền 3.600.000 đồng;
14. Chị H’ Ngót Ayun nộp lại số tiền 3.733.333 đồng;
15. Chị Lê Thị Thanh H7 nộp lại số tiền 2.666.667 đồng;
16. Chị Nguyễn Thị Kim S nộp lại số tiền 2.833.333 đồng;
17. Chị Huỳnh Thị Vy K3 nộp lại số tiền 4.166.667 đồng;
18. Chị Nguyễn Thị X nộp lại số tiền 2.333.333 đồng;
19. Chị Đinh Thị Kim C3 nộp lại số tiền 2.500.000 đồng;
20. Chị Phạm Thị Thanh T7 trả lại số tiền 833.333 đồng;
21. Chị Nguyễn Thị Bích P2 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
22. Anh Lê Xuân T8 nộp lại số tiền 833.333 đồng;
23. Chị Đoàn Thị Quỳnh H8 nộp lại số tiền 1.166.667 đồng;
24. Chị H’ Wer Êban nộp lại số tiền 2.500.000 đồng;
25. Chị H’ La Niê Brit nộp lại số tiền 5.916.667 đồng;
26. Chị H’ Đạt Niê nộp lại số tiền 4.166.667 đồng;
27. Chị H’ Băm Niê nộp lại số tiền 2.666.667 đồng;
28. Chị H’ Mrai Niê nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
29. Chị H’ Jih Niê nộp lại số tiền 3.666.667 đồng;
30. Chị H’ Khanh Byă nộp lại số tiền 1.166.667 đồng;
31. Chị Nguyễn Thị Ngọc T4 nộp lại số tiền 2.250.000 đồng;
32. Chị Lê Thị Hồng V nộp lại số tiền 3.000.000 đồng;

33. Chị Nguyễn Thị Phương T10 nộp lại số tiền 2.166.667 đồng;
34. Anh Bùi Đại N5 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
35. Chị Đào Thị Tô N13 nộp lại số tiền 1.333.333 đồng;
36. Anh Hồ Văn P1 nộp lại số tiền 4.727.273 đồng;
37. Chị Bùi Thị H6 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
38. Anh Bùi Đại N5 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
39. Chị Hoàng Việt H4 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
40. Chị Tạ Thị Thanh T5 nộp lại số tiền 1.500.000 đồng;
41. Chị Đinh Thị C2 nộp lại số tiền 2.833.333 đồng;
42. Chị Nguyễn Thị D nộp lại số tiền 2.000.000 đồng;
43. Chị Vũ Thị Kim V1 nộp lại số tiền 10.000.000 đồng;

- Đối với số tiền gốc 495.089.394 đồng là tiền gốc của 49 người vay đã trả cho bị cáo H nên cần truy thu của bị cáo H để sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 14.000.000đồng là tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo N nên cần truy thu để sung Ngân sách nhà nước của bị cáo N.

- Đối với số tiền 8.037.808đ là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) mà bị cáo Nguyễn Thị Thúy H, đã hưởng lợi từ việc cho 49 người vay nên cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 230.137đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20% khoản vay/năm) mà bị cáo N hưởng lợi từ việc bị cáo cho vay riêng nên cần truy thu để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Nguyễn Thị Thúy H đã thu từ những người vay nên cần buộc bị cáo H trả lại cho những người vay, cụ thể:

1. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng D số tiền 602.648 đồng;
2. Trả lại cho chị Bùi Thị N1 số tiền 4.561.005 đồng;
3. Trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền 3.720.548 đồng;
4. Trả lại cho chị Tạ Thị Thu H1 số tiền 4.638.356 đồng;
5. Trả lại cho anh Dương Việt M1 số tiền 917.808 đồng;
6. Trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 1.346.119 đồng;
7. Trả lại cho anh Phan Thanh L2 số tiền 2.141.533 đồng;
8. Trả lại cho chị Mai Thị Kim C1 số tiền 489.498 đồng;
9. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải N2 số tiền 1.529.680 đồng;
10. Trả lại cho chị Ngô Thị P số tiền 1.254.338 đồng;
11. Trả lại cho chị Lương Thị H2 số tiền 367.123 đồng;
12. Trả lại cho chị Cao Thị T3 số tiền 2.508.676 đồng;
13. Trả lại cho anh Bùi Văn N3 số tiền 4.527.854 đồng;
14. Trả lại cho chị Lê Thị Thu H3 số tiền 3.059.361 đồng;
15. Trả lại cho chị H' Đin Niê KĐăm số tiền 8.872.146 đồng;
16. Trả lại cho chị H' Xuân Niê KĐăm số tiền 6.072.603 đồng;
17. Trả lại cho chị H' Anh N11 KĐăm số tiền 4.751.342 đồng;
18. Trả lại cho chị H' Ngót Ayun số tiền 3.682.374 đồng;
19. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T4 số tiền 4.130.137 đồng;
20. Trả lại cho chị Lê Thị Hồng V số tiền 1.284.932 đồng;
21. Trả lại cho chị H' LaNa Niê số tiền 1.984.932 đồng;
22. Trả lại cho chị Nguyễn Phương T10 số tiền 2.355.708 đồng;
23. Trả lại cho chị Đào Thị Tô N13 số tiền 7.147.032 đồng;

24. Trả lại cho chị Đinh Thị T9 số tiền 1.935.616 đồng;
25. Trả lại cho anh Hồ Văn P1 số tiền 287.821 đồng;
26. Trả lại cho chị Bùi Thị H6 số tiền 3.365.297 đồng;
27. Trả lại cho anh Bùi Đại N5 số tiền 233.526 đồng;
28. Trả lại cho chị Hoàng Việt H4 số tiền 1.835.616 đồng;
29. Trả lại cho chị Tạ Thị Thanh T5 số tiền 2.478.082 đồng;
30. Trả lại cho anh Dương Việt M1 số tiền 917.808 đồng;
31. Trả lại cho chị Hoàng Thị Thu H5 tiền 917.808 đồng;
32. Trả lại cho anh Nguyễn Văn D1 số tiền 917.808 đồng;
33. Trả lại cho chị Đinh Thị C2 số tiền 917.808 đồng;
34. Trả lại cho chị Lê Thị Thanh H7 số tiền **1**.835.616 đồng;
35. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim S số tiền 1.515.525 đồng;
36. Trả lại cho chị Huỳnh Thị Vy K3 số tiền 1.270.776 đồng;
37. Trả lại cho chị Nguyễn Thị X số tiền 589.497 đồng;
38. Trả lại cho chị Đinh Thị Kim C3 số tiền 458.904 đồng;
39. Trả lại cho chị Phạm Thị Thanh T7 số tiền 764.840 đồng;
40. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích P2 số tiền 611.872 đồng;
41. Trả lại cho anh Lê Xuân T8 số tiền 764.840 đồng;
42. Trả lại cho chị Đoàn Thị Quỳnh H8 số tiền 703.653 đồng;
43. Trả lại cho chị H’ Wer Êban số tiền 558.904 đồng;
44. Trả lại cho chị H’ La Niê Brit số tiền 1.478.776 đồng;
45. Trả lại cho chị H’ Đạt Niê số tiền 1.270.776 đồng;
46. Trả lại cho chị H’ Băm Niê số tiền 1.546.119 đồng;
47. Trả lại cho chị H’ Mrai Niê số tiền 1.423.744 đồng;
48. Trả lại cho chị H’ Jih Niê số tiền 344.749 đồng;
49. Trả lại cho chị H’ Khanh Byă số tiền 803.653 đồng;

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo Trần Văn N đã thu từ chị Vũ Thị Kim V1 nên cần buộc bị cáo trả lại cho chị Vũ Thị Kim V1 số tiền 3.269. 863 đồng.

- Đối với các vật chứng đồ vật, tài liệu của chủ sở hữu hợp pháp nên ngày 12/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại đồ vật, tài liệu cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên cần chấp nhận, bao gồm:

+ Trả lại 01 (một) Đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trọng Đ3, số 038032, do Công an tỉnh Đ cấp năm 2007, cho người sử dụng cầm cố là chị Nguyễn Thị Hồng D.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066181001400, mang tên Bùi Thị N1, trả lại cho chị Bùi Thị N1 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066180003827, mang tên Mai Thị Kim C1 cho chị Mai Thị Kim Chi C1 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 046062003262, mang tên Nguyễn Văn B cho anh Nguyễn Văn B là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe số 660126799871, mang tên Phan Thanh L2 cho anh Phan Thanh L2 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe số 6601055008784, mang tên Nguyễn Thị Hải N2 cho chị Nguyễn Thị Hải N2 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 060176008607, mang tên Ngô Thị P cho chị tên Ngô Thị P là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111725, mang tên Lê Thị Hoàng M2 cho Lương Thị H2 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 051067017719, mang tên Bùi Văn N3 cho anh Bùi Văn N3 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066189004870, mang tên H Xuân N12 Kdăm cho chị H Xuân N12 Kdăm theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066183006355, mang tên H' Anh Niê K5 cho chị H' Anh N12 Kdăm theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066308005294, mang tên Hoàng Thị Bảo Y cho người sử dụng cầm cố là chị H' Ngot Ayun theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 058164002842, mang tên Nguyễn Thị Kim S cho chị Nguyễn Thị Kim S theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 046176009805, mang tên Nguyễn Thị X cho chị Nguyễn Thị X theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066172013942, mang tên Đinh Thị Kim C3 cho chị Đinh Thị Kim C3 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066187013215, mang tên Phạm Thị Thanh T7 cho chị Phạm Thị Thanh T7 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô, số 661046007219, tên Nguyễn Thị Bích P2 cho chị Nguyễn Thị Bích P2 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 054088006930, mang tên Lê Xuân T8 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 048360, mang tên Y Vương Ê1 cho anh Lê Xuân T8 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188013571, tên Đoàn Thị Quỳnh H8 cho chị Đoàn Thị Quỳnh H8 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 47B 011876, mang tên Y Đen Ê2 cho người sử dụng cầm cố là chị H' Wer Êban theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188018085, mang tên H La Niê B1 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 049022, tên Nguyễn Văn L4 cho chị H La Niê B1 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066170009568, mang tên H Đạt N7 cho chị H Đạt Niê theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066177003643, mang tên H Băm N8 cho chị H Băm Niê theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy khai sinh (bản sao), mang tên Nguyễn Niê H12 H11 cho người sử dụng để thế chấp là H' Băm Êban

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066173006456, mang tên H Mrai N9 cho H Mrai N9 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066161003947, mang tên H Jih N11 cho H Jih N11 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066160002368, mang tên H Khanh B3 cho H Khanh Bya theo quy định.

- Đối với công cụ, phương tiện, tài sản các bị cáo, người liên quan sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước gồm:

+01(một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, IMEI: 35918007331993801 và 01 (một) điện thoại di động Masstel, màu Đ1 - Đen, IMEI: 352766248804064 của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, số IMEI: 357828280754469, IMEI 2: 357828280883292, kèm sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao 0862985583 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, số IMEI 1: 867327061812045, số IMEI 2: 867327061812052, kèm sim điện thoại mạng viettel có số thuê bao 0388755168 của bị cáo Trần Văn N;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 355322085134038; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0866506998 số seri 8984048000933725621 của Trần Anh T11.

- Đối với các tờ giấy vay tiền và Căn cước công dân (bản phô tô) là các chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Mai Thị Kim C1, kèm số điện thoại 0948041078 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc ghi và kí tên Bùi Thị N1 – 0964586787,

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Lương Thị H2, kèm số điện thoại 0822768578, ngày 30/5/2024, có nội dung "ko giải quyết 30 ngày lấy xe" và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên H' Anh Niê K5, kèm số điện thoại 0912754747 có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên H' Ngot Ayun, kèm số điện thoại 0889433630 có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh có ký tên Nguyễn Thị Hồng D – 192/15/5 Võ Văn K4, kèm số điện thoại 0814745775;

+ 01 (một) Căn cước công dân (bản phô tô) số 066189007885, mang tên H' Ngot Ayun;

+ 01 (một) Căn cước công dân (phô tô) số 066162005178, mang tên bà Lương Thị H2;

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsel, biển số 48F4-2210, màu sơn đỏ, số máy: C100MPE-0040039, số khung: C100MP-0040039, 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0032230, biển số 48F4-2210 và 01 (một) giấy mua - bán xe máy giữa cửa hàng X1, địa chỉ: B L, P. E, TP . với ông Phùng Hứa Đ4, địa chỉ: Nguyễn Trường T12, P. E, TP .. Do chưa xác minh được nhân thân, lai lịch của Phùng Hứa Đ4 để làm việc làm rõ nguồn gốc chiếc xe trên nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi hồ sơ vụ án tiếp tục xác minh xử lý sau.

[8]. Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Đối với đối tượng Đỗ Anh T2: Quá trình điều tra xác định T2 trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tuy nhiên số tiền thu lợi bất chính chưa đến 30.000.000đồng, chưa bị xử lý hành chính với hành vi cho vay tiền với lãi suất cao. Vì vậy, hành vi của T2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó,

Công an thành phố B báo cáo gửi UBND thành phố B để ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Đỗ Anh T2 với số tiền phạt 15.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với đối tượng Phùng Hứa Đức hiện chưa xác minh nhân thân, lai lịch để triệu tập làm việc, làm rõ nội dung Đ4 mua chiếc xe mô tô 48F4-2210 của Mai Thanh T13, sinh năm 1990, trú tại Số B L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, rồi giao cho H quản lý sử dụng và Đ4 có tham gia hoạt động cho vay lãi nặng cùng với H không nên Cơ quan điều tra tách hồ sơ tiếp tục xác minh xử lý theo quy định là phù hợp.

[9]. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáoNguyễn Thị Thúy Hằng và bị cáo Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 Bộ luật hình sự;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và bị cáo Trần Văn N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[2] Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thúy H** số tiền 90.000.000đồng(Chín mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

[3] Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Về xử lý vật chứng:

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước đối với số tiền tiền gốc mà những người vay, đã vay của các bị cáo nhưng chưa trả, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng D nộp lại số tiền 5.133.333 đồng;
2. Chị Bùi Thị N1 nộp lại số tiền 4.433.333 đồng;
3. Anh Phan Thanh L2 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
4. Chị Mai Thị Kim C1 nộp lại số 7.333.333 đồng;
5. Chị Nguyễn Thị Hải N2 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
6. Chị Ngô Thị P nộp lại số tiền 3.166.667 đồng;
7. Chị Lương Thị H2 nộp lại số tiền 8.000.000 đồng;
8. Chị Cao Thị T3 nộp lại số tiền 6.333.333 đồng;
9. Anh Bùi Văn N3 nộp lại số tiền 5.333.333 đồng;
10. Chị Lê Thị Thu H3 nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
11. Chị H' Đin Niê KĐăm nộp lại số tiền 16.666.667 đồng;
12. Chị H' Xuân Niê KĐăm nộp lại số tiền 10.000.000 đồng;
13. Chị H' Anh N11 KĐăm nộp lại số tiền 3.600.000 đồng;
14. Chị H' Ngót Ayun nộp lại số tiền 3.733.333 đồng;
15. Chị Lê Thị Thanh H7 nộp lại số tiền 2.666.667 đồng;

16. Chị Nguyễn Thị Kim S nộp lại số tiền 2.833.333 đồng;
17. Chị Huỳnh Thị Vy K3 nộp lại số tiền 4.166.667 đồng;
18. Chị Nguyễn Thị X nộp lại số tiền 2.333.333 đồng;
19. Chị Đinh Thị Kim C3 nộp lại số tiền 2.500.000 đồng;
20. Chị Phạm Thị Thanh T7 trả lại số tiền 833.333 đồng;
21. Chị Nguyễn Thị Bích P2 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
22. Anh Lê Xuân T8 nộp lại số tiền 833.333 đồng;
23. Chị Đoàn Thị Quỳnh H8 nộp lại số tiền 1.166.667 đồng;
24. Chị H' Wer Êban nộp lại số tiền 2.500.000 đồng;
25. Chị H' La Niê Brit nộp lại số tiền 5.916.667 đồng;
26. Chị H' Đạt Niê nộp lại số tiền 4.166.667 đồng;
27. Chị H' Băm Niê nộp lại số tiền 2.666.667 đồng;
28. Chị H' Mrai Niê nộp lại số tiền 3.333.333 đồng;
29. Chị H' Jih Niê nộp lại số tiền 3.666.667 đồng;
30. Chị H' Khanh Byă nộp lại số tiền 1.166.667 đồng;
31. Chị Nguyễn Thị Ngọc T4 nộp lại số tiền 2.250.000 đồng;
32. Chị Lê Thị Hồng V nộp lại số tiền 3.000.000 đồng;
33. Chị Nguyễn Thị Phương T10 nộp lại số tiền 2.166.667 đồng;
34. Anh Bùi Đại N5 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
35. Chị Đào Thị Tô N13 nộp lại số tiền 1.333.333 đồng;
36. Anh Hồ Văn P1 nộp lại số tiền 4.727.273 đồng;
37. Chị Bùi Thị H6 nộp lại số tiền 1.666.667 đồng;
38. Anh Bùi Đại N5 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
39. Chị Hoàng Việt H4 nộp lại số tiền 8.750.000 đồng;
40. Chị Tạ Thị Thanh T5 nộp lại số tiền 1.500.000 đồng;
41. Chị Đinh Thị C2 nộp lại số tiền 2.833.333 đồng;
42. Chị Nguyễn Thị D nộp lại số tiền 2.000.000 đồng;
43. Chị Vũ Thị Kim V1 nộp lại số tiền 10.000.000 đồng;

- Truy thu sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H số tiền gốc 495.089.394đồng.

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H số tiền 8.037.808đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) mà bị cáo H, đã hưởng lợi từ việc cho 49 người vay.

- Truy thu sung Ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Văn N số tiền 14.000.000đồng là tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Trần Văn N số tiền 230.137đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20% khoản vay/năm) mà bị cáo N đã hướng lợi.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy H trả lại số tiền thu lợi bất chính cho người vay cụ thể:

1. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng D số tiền 602.648 đồng;
2. Trả lại cho chị Bùi Thị N1 số tiền 4.561.005 đồng;
3. Trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền 3.720.548 đồng;
4. Trả lại cho chị Tạ Thị Thu H1 số tiền 4.638.356 đồng;
5. Trả lại cho anh Dương Việt M1 số tiền 917.808 đồng;
6. Trả lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền 1.346.119 đồng;

7. Trả lại cho anh Phan Thanh L2 số tiền 2.141.533 đồng;
8. Trả lại cho chị Mai Thị Kim C1 số tiền 489.498 đồng;
9. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hải N2 số tiền 1.529.680 đồng;
10. Trả lại cho chị Ngô Thị P số tiền 1.254.338 đồng;
11. Trả lại cho chị Lương Thị H2 số tiền 367.123 đồng;
12. Trả lại cho chị Cao Thị T3 số tiền 2.508.676 đồng;
13. Trả lại cho anh Bùi Văn N3 số tiền 4.527.854 đồng;
14. Trả lại cho chị Lê Thị Thu H3 số tiền 3.059.361 đồng;
15. Trả lại cho chị H' Đin Niê KĐăm số tiền 8.872.146 đồng;
16. Trả lại cho chị H' Xuân Niê KĐăm số tiền 6.072.603 đồng;
17. Trả lại cho chị H' Anh N11 KĐăm số tiền 4.751.342 đồng;
18. Trả lại cho chị H' Ngót Ayun số tiền 3.682.374 đồng;
19. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T4 số tiền 4.130.137 đồng;
20. Trả lại cho chị Lê Thị Hồng V số tiền 1.284.932 đồng;
21. Trả lại cho chị H' LaNa Niê số tiền 1.984.932 đồng;
22. Trả lại cho chị Nguyễn Phương T10 số tiền 2.355.708 đồng;
23. Trả lại cho chị Đào Thị Tô N13 số tiền 7.147.032 đồng;
24. Trả lại cho chị Đinh Thị T9 số tiền 1.935.616 đồng;
25. Trả lại cho anh Hồ Văn P1 số tiền 287.821 đồng;
26. Trả lại cho chị Bùi Thị H6 số tiền 3.365.297 đồng;
27. Trả lại cho anh Bùi Đại N5 số tiền 233.526 đồng;
28. Trả lại cho chị Hoàng Việt H4 số tiền 1.835.616 đồng;
29.Trả lại cho chị Tạ Thị Thanh T5 số tiền 2.478.082 đồng;
30.Trả lại cho anh Dương Việt M1 số tiền 917.808 đồng;
31.Trả lại cho chị Hoàng Thị Thu H5 tiền 917.808 đồng;
32.Trả lại cho anh Nguyễn Văn D1 số tiền 917.808 đồng;
33.Trả lại cho chị Đinh Thị C2 số tiền 917.808 đồng;
34. Trả lại cho chị Lê Thị Thanh H7 số tiền **1**.835.616 đồng;
35. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim S số tiền 1.515.525 đồng;
36. Trả lại cho chị Huỳnh Thị Vy K3 số tiền 1.270.776 đồng;
37. Trả lại cho chị Nguyễn Thị X số tiền 589.497 đồng;
38. Trả lại cho chị Đinh Thị Kim C3 số tiền 458.904 đồng;
39. Trả lại cho chị Phạm Thị Thanh T7 số tiền 764.840 đồng;
40. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích P2 số tiền 611.872 đồng;
41. Trả lại cho anh Lê Xuân T8 số tiền 764.840 đồng;
42. Trả lại cho chị Đoàn Thị Quỳnh H8 số tiền 703.653 đồng;
43. Trả lại cho chị H' Wer Êban số tiền 558.904 đồng;
44. Trả lại cho chị H' La Niê Brit số tiền 1.478.776 đồng;
45. Trả lại cho chị H' Đạt Niê số tiền 1.270.776 đồng;
46. Trả lại cho chị H' Băm Niê số tiền 1.546.119 đồng;
47. Trả lại cho chị H' Mrai Niê số tiền 1.423.744 đồng;
48. Trả lại cho chị H' Jih Niê số tiền 344.749 đồng;
49. Trả lại cho chị H' Khanh Byă số tiền 803.653 đồng;

- Buộc bị cáo Trần Văn N trả lại số tiền thu lợi bất chính cho bà chị Vũ Thị Kim V1 số tiền 3.269.863 đồng.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước gồm:

+ 01(một) điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu vàng, IMEI: 35918007331993801 và 01 (một) điện thoại di động Masstel, màu Đ1 - Đen, IMEI: 352766248804064 của bị cáo Nguyễn Thị Thúy H.

+ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, số IMEI: 357828280754469, IMEI 2: 357828280883292, kèm sim điện thoại mạng Viettel có số thuê bao 0862985583 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, số IMEI 1: 867327061812045, số IMEI 2: 867327061812052, kèm sim điện thoại mạng viettel có số thuê bao 0388755168 của bị cáo Trần Văn N;

+ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 355322085134038; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0866506998 số seri 8984048000933725621 của Trần Anh T11.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại đồ vật, tài liệu cho chủ sở hữu hợp pháp, bao gồm:

+ Trả lại 01 (một) Đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Trọng Đ3, số 038032, do Công an tỉnh Đ cấp năm 2007, cho người sử dụng cầm cố là chị Nguyễn Thị Hồng D.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066181001400, mang tên Bùi Thị N1, trả lại cho chị Bùi Thị N1 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066180003827, mang tên Mai Thị Kim C1 cho chị Mai Thị Kim Chi C1 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 046062003262, mang tên Nguyễn Văn B cho anh Nguyễn Văn B là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe số 660126799871, mang tên Phan Thanh L2 cho anh Phan Thanh L2 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe số 6601055008784, mang tên Nguyễn Thị Hải N2 cho chị Nguyễn Thị Hải N2 là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 060176008607, mang tên Ngô Thị P cho chị tên Ngô Thị P là chủ sở hữu theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111725, mang tên Lê Thị Hoàng M2 cho Lương Thị H2 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 051067017719, mang tên Bùi Văn N3 cho anh Bùi Văn N3 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066189004870, mang tên H Xuân N12 Kdăm cho chị H Xuân N12 Kdăm theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066183006355, mang tên H’ Anh Niê K5 cho chị H’ Anh N12 Kdăm theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Căn cước công dân số 066308005294, mang tên Hoàng Thị Bảo Y cho người sử dụng cầm cố là chị H’ Ngot Ayun theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 058164002842, mang tên Nguyễn Thị Kim S cho chị Nguyễn Thị Kim S theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 046176009805, mang tên Nguyễn Thị X cho chị Nguyễn Thị X theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066172013942, mang tên Đinh Thị Kim C3 cho chị Đinh Thị Kim C3 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066187013215, mang tên Phạm Thị Thanh T7 cho chị Phạm Thị Thanh T7 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy phép lái xe mô tô, số 661046007219, tên Nguyễn Thị Bích P2 cho chị Nguyễn Thị Bích P2 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 054088006930, mang tên Lê Xuân T8 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 048360, mang tên Y Vương Ê1 cho anh Lê Xuân T8 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188013571, tên Đoàn Thị Quỳnh H8 cho chị Đoàn Thị Quỳnh H8 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 47B 011876, mang tên Y Đen Ê2 cho người sử dụng cầm cố là chị H' Wer Êban theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066188018085, mang tên H La Niê B1 và 01(một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 049022, tên Nguyễn Văn L4 cho chị H La Niê B1 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066170009568, mang tên H Đạt N7 cho chị H Đạt Niê theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066177003643, mang tên H Băm N8 cho chị H Băm Niê theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Giấy khai sinh (bản sao), mang tên Nguyễn Niê H12 H11 cho người sử dụng để thế chấp là H' Băm Êban

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066173006456, mang tên H Mrai N9 cho H Mrai N9 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066161003947, mang tên H Jih N11 cho H Jih N11 theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân số 066160002368, mang tên H Khanh B3; trả lại cho H Khanh Bya theo quy định.

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Mai Thị Kim C1, kèm số điện thoại 0948041078 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc ghi và kí tên Bùi Thị N1 – 0964586787,

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên Lương Thị H2, kèm số điện thoại 0822768578, ngày 30/5/2024, có nội dung "ko giải quyết 30 ngày lấy xe" và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên H' Anh Niê K5, kèm số điện thoại 0912754747 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh ở góc có ký tên H’ Ngot Ayun, kèm số điện thoại 0889433630 và có lăn tay dấu đỏ;

+ 01 (một) tờ giấy vở học sinh có ký tên Nguyễn Thị Hồng D – 192/15/5 Võ Văn K4 kèm số điện thoại 0814745775;

+ 01 (một) Căn cước công dân (phô tô) số 066162005178, mang tên bà Lương Thị H2;

+ 01 (một) Căn cước công dân (bản phô tô) số 066189007885, mang tên H’ Ngot Ayun.

(*Các vật chứng, tài sản có đặc điểm như trong biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản, ngày 28/02/2025 giữa C4 thành phố Buôn Ma T6 và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột).*

- Chấp nhận Cơ quan điều tra tách ra khỏi hồ sơ vụ án tiếp tục xác minh xử lý sau đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsel, biển số 48F4-2210, màu sơn đỏ, số máy: C100MPE-0040039, số khung: C100MP-0040039, 01 (một) Đăng ký xe mô tô, xe máy số 0032230, biển số 48F4-2210 và 01 (một) giấy mua - bán xe máy giữa cửa hàng xe máy Đông Tú với ông Phùng Hứa Đ4.

[4] Đối với các hành vi và đối tượng khác liên quan trong vụ án:

Chấp nhận Công an thành phố B không truy tố trách nhiệm hình sự về hành vi của Trần Văn T14 do chưa đủ yếu tố cấu thành tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự* được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự và Công an thành phố B báo cáo gửi UBND thành phố B để ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Đỗ Anh T2 với số tiền phạt 15.000.000 đồng

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và bị cáo Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy H và bị cáo Trần Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THATAND Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an tỉnh Đắk Lắk(LLTP);
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- THA phạt tù TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS+ VP

(Đã ký)

Lê Thị Mai